

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo
dục nghề nghiệp công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 ngày 10 tháng 12
năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của
Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của
Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến
năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của
Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09
tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 -
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và
sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung sau đây:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH

1. Phạm vi quy hoạch: Trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia.
2. Đối tượng quy hoạch: Các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo và các quy định pháp luật khác có liên quan, không bao gồm các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm:

a) Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia; bảo đảm sự liên kết, đồng bộ với các quy hoạch quốc gia khác có liên quan và các hệ thống kết cấu hạ tầng khác trong phạm vi vùng lãnh thổ;

b) Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; lấy chất lượng, hiệu quả làm nền tảng để từng bước mở rộng quy mô, cân bằng cơ cấu đào tạo thông qua đào tạo, đào tạo lại thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng vùng, gia tăng cơ hội tiếp cận cho người dân, phục vụ nhu cầu học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập;

c) Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thống nhất trong đa dạng, mở và liên thông; lấy tự chủ thực chất làm động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh, nâng cao thể mạnh và hiệu quả hoạt động của từng cơ sở và tối ưu hóa toàn hệ thống; khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập lớn đủ năng lực cạnh tranh quốc tế; sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở hoạt động kém hiệu quả, kém chất lượng;

d) Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học làm nòng cốt của mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh;

cùng với mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp hình thành các trung tâm giáo dục lớn đào tạo nhân lực trình độ cao, có kỹ năng nghề cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của cả nước, từng vùng và các địa phương;

đ) Lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội, phục vụ yêu cầu hiện đại hoá hệ thống giáo dục và đào tạo dựa trên sứ mạng và tầm nhìn, chất lượng và hiệu quả để củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập tương xứng với vai trò, sứ mạng trong thời kỳ mới gắn với yêu cầu tăng trưởng 2 con số; tập trung đầu tư phát triển một số cơ sở ngang tầm khu vực và thế giới, nhất là trong một số lĩnh vực trọng điểm.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập chuẩn hóa, hiện đại, phân bố hợp lý nhằm góp phần đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng nghề cao, phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Phần đầu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á.

b) Phần đầu tỉ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%.

c) Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học công lập:

- Giảm tối thiểu 20% đầu mỗi cơ sở giáo dục đại học công lập; sau năm 2030 không còn các trường cao đẳng sư phạm.

- Quy mô trên 2,2 triệu người học; tỉ lệ học đại học trên số người trong độ tuổi 18 - 22 đạt 33% trong đó không tỉnh, thành phố nào có tỉ lệ thấp hơn 15%.

- Cơ cấu trình độ đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và công nghiệp hiện đại; tỉ trọng quy mô đào tạo thạc sĩ (và trình độ tương đương) đạt 7,2%, đào tạo tiến sĩ đạt 0,8%, đào tạo cao đẳng sư phạm đạt 01%; tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 35%.

- Nâng cấp, phát triển một số cơ sở giáo dục đại học đạt các tiêu chuẩn chất lượng ngang tầm khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030.

- Hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn, đào tạo chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng

tạo tại 04 vùng đô thị gồm Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ tạo động lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và cả nước.

d) Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, liên thông; gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, thị trường lao động, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao, học tập suốt đời và phát triển nguồn nhân lực quốc gia, cụ thể:

- Giảm tối thiểu 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.
- Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 50%.
- Cơ cấu đào tạo chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng trình độ cao đẳng, đào tạo nghề chất lượng cao; giảm dần đào tạo các ngành nghề có nhu cầu thấp; phát triển mạnh đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng và đào tạo ngắn hạn cho người lao động.
- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định; khoảng 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao đạt trình độ tiên tiến của ASEAN; một số cơ sở tiếp cận trình độ quốc tế.
- Phân đầu cả nước có khoảng 50 trường cao đẳng chất lượng cao (trong đó: Có khoảng 05 trường đạt chuẩn quốc tế) đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề, ưu tiên các ngành nghề STEM, ngành nghề phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng, ngành và địa phương.
- Hình thành 06 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 12 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao; khoảng 30 trường cao đẳng trọng điểm đào tạo các ngành nghề chiến lược, mũi nhọn phục vụ phát triển vùng và quốc gia
- Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp số quốc gia; 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập triển khai quản trị số, học liệu số và đào tạo trên môi trường số; phát triển các mô hình đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp và mô phỏng thực hành số.
- Tăng cường sự tham gia thực chất của doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình đào tạo; mở rộng mô hình đào tạo song hành cùng doanh nghiệp; phân đầu phần lớn các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện song hành doanh nghiệp.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập đồng bộ và hiện đại theo các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học chất lượng tốt của Nhân dân, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao. 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đạt chuẩn quốc gia.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển và phân bố mạng lưới cơ sở giáo dục đại học công lập đến năm 2030

a) Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học công lập

- Nâng cấp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm với định hướng cơ cấu như sau:

+ Các cơ sở giáo dục đại học công lập chiếm khoảng 70% tổng quy mô đào tạo toàn quốc, giữ vai trò chủ đạo trong cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho phát triển đất nước và bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục đại học thuận lợi, công bằng cho người dân;

+ Từ 50 đến 60 cơ sở giáo dục đại học đào tạo tới trình độ tiến sĩ, trong đó khoảng 50% là cơ sở trọng điểm phát triển theo định hướng nghiên cứu, giữ vai trò nòng cốt trong mạng lưới về đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Định hướng phân bố quy mô đào tạo và số lượng cơ sở giáo dục đại học theo trụ sở chính tại các vùng, địa phương được nêu tại Bảng 1 và Bảng 2 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Phương án sắp xếp, phát triển các cơ sở giáo dục đại học như sau:

+ Củng cố, sắp xếp và tăng cường năng lực đối với các cơ sở giáo dục đại học hiện có; chấm dứt hoạt động trước năm 2028 và giải thể trước năm 2030 đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học không đạt chuẩn hoặc không hoàn thành xác lập vị trí pháp lý theo quy định của pháp luật.

+ Sắp xếp, thu gọn số đầu mối cơ sở giáo dục đại học công lập; chỉ xem xét thành lập trường đại học công lập mới khi có yêu cầu cấp thiết và có đủ điều kiện thuận lợi trong các trường hợp: (i) thành lập tại một số vùng có mức độ tiếp cận đại học thấp, cụ thể tại các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long; (ii) tổ chức lại một số trường đào tạo, bồi dưỡng trực thuộc bộ, ngành, cơ quan Trung ương đã được phép đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; (iii) đã có chủ trương thành lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt và còn trong thời hạn theo quy định trước thời

điểm Quy hoạch này có hiệu lực thi hành; (iv) yêu cầu cấp thiết phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành, địa phương.

+ Sắp xếp, củng cố hoạt động của các phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; chỉ xem xét thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học công lập trong các trường hợp: (i) tổ chức lại cơ sở đào tạo hoặc chuyển giao phân hiệu từ một cơ sở giáo dục đại học khác đang được phép hoạt động; (ii) sáp nhập trường đại học hoặc trường cao đẳng có trụ sở tại địa phương khác; (iii) mở rộng không gian phát triển của cơ sở giáo dục đại học tại địa phương lân cận hoặc tại địa phương có nhu cầu nhân lực của ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của vùng.

+ Sắp xếp, phát triển các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc bộ, ngành, cơ quan Trung ương (trừ Bộ Giáo dục và Đào tạo) theo hướng tập trung vào ngành, lĩnh vực cốt lõi trọng điểm và đặc thù của cơ quan quản lý trực tiếp; sắp xếp, phát triển các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hướng tập trung vào các ngành, lĩnh vực trọng điểm của địa phương và của vùng trong đó có các ngành đào tạo giáo viên.

+ Khuyến khích thành lập mới, mở rộng mạng lưới phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài có uy tín, nhất là các cơ sở giáo dục đại học chuyên đào tạo các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, phát triển các đại học quốc gia và đại học vùng đạt chất lượng và uy tín ngang tầm khu vực và thế giới, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng, giữ vai trò hạt nhân, nòng cốt của mạng lưới cơ sở giáo dục đại học toàn quốc và tại các vùng kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

+ Phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á; phát triển Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng thành đại học quốc gia. Các đại học quốc gia phát triển theo định hướng nghiên cứu, tập trung đào tạo tài năng, chất lượng cao và đào tạo sau đại học gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia; ưu tiên các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và một số lĩnh vực trọng điểm khác theo thế mạnh cốt lõi của từng đại học.

+ Nâng cấp, mở rộng không gian phát triển của Đại học Thái Nguyên trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; nâng cấp, phát triển thêm các đại học vùng tại các vùng: Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long với nòng cốt là Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Tây Nguyên, Đại học Cần Thơ và một số trường đại học khác tại mỗi vùng; chuẩn bị điều kiện để phát triển Trường Đại học Tây Bắc thành đại học vùng ở giai đoạn sau năm 2030. Các đại học vùng tập trung nâng cao chất

lượng, chú trọng nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, thực hiện nhiệm vụ phát triển vùng; ưu tiên các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, sư phạm và một số lĩnh vực khác theo yêu cầu phát triển từng vùng.

- Định hướng phát triển quy mô đào tạo và lĩnh vực trọng điểm của các đại học quốc gia, đại học vùng được nêu tại Bảng 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên đạt quy mô từ 180 đến 200 nghìn người học trong đó khoảng 85% ở trình độ đại học và 15% ở trình độ cao đẳng, phân bố quy mô tại các vùng được nêu tại Bảng 4 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; dự kiến có từ 48 đến 50 cơ sở giáo dục đại học với cơ cấu như sau:

+ Các cơ sở giáo dục đại học chủ chốt đào tạo giáo viên bao gồm 02 trường đại học sư phạm trọng điểm và 12 cơ sở giáo dục đại học khác trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đại học quốc gia và đại học vùng, giữ vai trò nòng cốt trong mạng lưới, tập trung nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ giáo dục, đào tạo chất lượng cao và bồi dưỡng giáo viên, chiếm khoảng 64% quy mô đào tạo giáo viên toàn quốc, phục vụ nhu cầu sử dụng của từng vùng và cả nước (chi tiết tại Bảng 5 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

+ Các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và một số cơ sở giáo dục đại học công lập khác có truyền thống đào tạo sư phạm tham gia đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nhiều ngành, chiếm khoảng 30% quy mô đào tạo giáo viên toàn quốc, phục vụ chủ yếu nhu cầu sử dụng của địa phương.

+ Một số cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về các ngành công nghệ, nông lâm, ngôn ngữ, thể dục, thể thao, nghệ thuật tham gia đào tạo giáo viên các ngành sư phạm đặc thù, chiếm khoảng 6% quy mô đào tạo giáo viên toàn quốc.

- Phương án sắp xếp, phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên như sau:

+ Nâng cấp, phát triển Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về sư phạm, định hướng nghiên cứu và đào tạo chất lượng cao, đóng vai trò hạt nhân và đầu tàu trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo giáo viên.

+ Sắp xếp, tổ chức lại các trường đại học sư phạm thể dục và thể thao, sư phạm nghệ thuật theo các phương án: (i) sáp nhập với một trường đại học sư phạm hoặc cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có trường, khoa sư phạm hoặc khoa học cơ bản; (ii) sáp nhập, hợp nhất với nhau hoặc với các trường chuyên sâu thể dục, thể thao, nghệ thuật để phát triển thành một trường đại học đa ngành trong đó có ngành sư phạm thể dục, thể thao, nghệ thuật.

+ Sắp xếp, tổ chức lại các trường cao đẳng sư phạm theo các phương án:
(i) sáp nhập vào một trường đại học sư phạm hoặc cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có trường, khoa sư phạm hoặc khoa học cơ bản; (ii) sáp nhập vào một cơ sở giáo dục đại học tại địa phương hoặc trong vùng; (iii) sáp nhập, hợp nhất với một số cơ sở giáo dục khác tại địa phương.

+ Tái cấu trúc và phát triển các trường đại học sư phạm kỹ thuật thành các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là công nghệ và kỹ thuật; tiếp tục thực hiện vai trò hạt nhân trong đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo các lĩnh vực trọng điểm khác

- Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, tăng quy mô đào tạo từ 180.000 đến 200.000 người học đại học để cùng với hệ thống giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đáp ứng nhu cầu về số lượng nguồn nhân lực bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng đạt tỉ lệ 19 bác sĩ, 04 dược sĩ và 33 điều dưỡng trên 10.000 dân. Lựa chọn và đầu tư trọng điểm từ 03 đến 05 cơ sở giáo dục đại học công lập có năng lực và uy tín hàng đầu về nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực sức khỏe, cùng với một số đại học quốc gia, đại học vùng (được xác định lĩnh vực trọng điểm về y dược) đóng vai trò hạt nhân, nòng cốt trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo lĩnh vực sức khỏe, đạt chất lượng và uy tín ngang tầm khu vực.

- Hình thành, phát triển các mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo từng lĩnh vực trọng điểm, then chốt khác theo chiến lược phát triển đất nước, chiến lược phát triển các ngành kinh tế - xã hội, đặc biệt các ngành, lĩnh vực cần ưu tiên phát triển theo chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Đảng. Lựa chọn và đầu tư trọng điểm từ 01 đến 03 cơ sở giáo dục đại học công lập có năng lực, uy tín hàng đầu về nghiên cứu và đào tạo trong mỗi lĩnh vực, cùng với một số đại học quốc gia, đại học vùng (được xác định lĩnh vực trọng điểm) đóng vai trò hạt nhân, nòng cốt đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đào tạo lĩnh vực tương ứng.

d) Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học ở các vùng

- Hình thành và phát triển các mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo vùng, tiểu vùng, lấy các đại học quốc gia, đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm làm nòng cốt, tăng cường liên kết trong mạng lưới và gắn kết với cơ sở nghiên cứu, khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của vùng và các địa phương lân cận. Không gian phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng chủ yếu dọc theo các hành lang kinh tế với trung tâm là các thành phố lớn, cụ thể như sau:

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Trung du và miền núi phía Bắc với trung tâm là Thái Nguyên và Sơn La, ưu tiên mở rộng mạng lưới tại khu vực Tây Bắc; đầu tư nâng cấp các cơ sở giáo dục đại học trong vùng để mở rộng cơ hội tiếp cận đại học cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển vùng, trọng tâm là các ngành sư phạm, y dược, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, sản xuất và chế biến, nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Đồng bằng sông Hồng với trung tâm là Hà Nội và Hải Phòng; tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tất cả lĩnh vực trọng điểm cho vùng và cả nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Đầu tư nâng cấp và mở rộng không gian phát triển của các cơ sở giáo dục đại học trong vùng; mở rộng diện tích, tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở giáo dục đại học nằm trong khu vực trung tâm Hà Nội ra các khu vực quy hoạch mới của Thành phố và các tỉnh Ninh Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, Phú Thọ.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học của vùng Bắc Trung Bộ, với trung tâm là Nghệ An; đầu tư nâng cấp các cơ sở giáo dục đại học trong vùng để mở rộng cơ hội tiếp cận đại học cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo cho vùng, trọng tâm là các ngành sư phạm, y dược, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, nghệ thuật, tài chính, thủy sản và du lịch; từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu đào tạo có uy tín trong khu vực và quốc tế. Phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (thành phố Đà Nẵng, các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng) với trung tâm là Đắk Lắk và Lâm Đồng; đầu tư nâng cấp các cơ sở giáo dục đại học trong vùng để mở rộng cơ hội tiếp cận đại học cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển vùng, trọng tâm là các ngành sư phạm, y dược, công nghệ, sản xuất và chế biến, nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch; ưu tiên hình thành các đô thị đại học tích hợp đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại các đô thị hạt nhân. Tập trung phát triển Đại học Đà Nẵng theo định hướng đại học trọng điểm, nghiên cứu đa ngành và chuyển đổi số; phát triển Trường Đại học Nha Trang thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu về khoa học công nghệ biển, thủy sản và một số lĩnh vực thế mạnh như công nghệ thực phẩm, kinh tế biển, du lịch và dịch vụ. Củng cố cụm giáo dục đại học khu vực Tây Nguyên với nòng cốt Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Đà Lạt.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Đông Nam Bộ (Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh), với trung tâm là Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao gắn với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong tất cả lĩnh vực trọng điểm cho vùng và cả nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Đầu tư nâng cấp và mở rộng không gian phát triển của các cơ sở giáo dục đại học trong vùng; phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức thuộc nhóm hàng đầu châu Á; có ít nhất 01 cơ sở giáo dục đại học của vùng thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực ưu tiên về kỹ thuật - công nghệ, kinh tế - tài chính; phấn đấu khoảng 20% cơ sở giáo dục đại học được đầu tư hiện đại, tương đương các nước phát triển trong khu vực châu Á; mở rộng diện tích, tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở giáo dục đại học nằm trong khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh ra các khu vực quy hoạch mới của Thành phố, hình thành một số cụm đại học dọc hai bên đường vành đai 3, vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh để mở rộng và liên kết không gian phát triển; xây dựng các khu đô thị đại học theo hướng tích hợp đa chức năng, ưu tiên phát triển đô thị đại học gắn với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long với trung tâm là Cần Thơ; phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng đồng bằng sông Cửu Long; tập trung vào các ngành trọng điểm phục vụ phát triển vùng như nông - lâm - thủy sản, công nghệ, y tế, giáo dục, du lịch, logistics, công nghệ chế biến, gắn nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và nhu cầu thị trường lao động địa phương. Đầu tư nâng cấp cho các cơ sở giáo dục đại học trong vùng để mở rộng cơ hội tiếp cận đại học cho người dân, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển vùng, trọng tâm là các ngành sư phạm, y dược, công nghệ, sản xuất và chế biến, nông nghiệp, thủy sản và du lịch. Gắn các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu.

- Hình thành các trung tâm giáo dục đại học lớn trên cơ sở nâng cấp, phát triển và liên kết các cơ sở giáo dục đại học, khu đô thị đại học, cụm đại học tại 04 vùng đô thị lớn, cụ thể như sau:

+ Phát triển trung tâm giáo dục đại học vùng đô thị Hà Nội với nòng cốt là Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân và các cơ sở giáo dục đại học lớn, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm khác, liên kết các cơ sở giáo dục đại học trong vùng; ưu tiên đầu tư phát triển một số khu đô thị đại học, cụm đại học dọc hai bên các vành đai 4 và 5 vùng Thủ đô và tại các khu vực khác đã được quy hoạch; liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục đại học tại hai vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

+ Phát triển trung tâm giáo dục đại học vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh với nòng cốt là Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở giáo dục đại học lớn, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, liên kết các cơ sở giáo dục đại học trong vùng; ưu tiên đầu tư phát triển một số khu đô thị đại học, cụm đại học dọc hai bên các vành đai 3 và 4 của Thành phố Hồ Chí Minh; liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục đại học tại hai vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phát triển trung tâm giáo dục đại học vùng đô thị Đà Nẵng với nòng cốt là Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, liên kết các cơ sở giáo dục đại học trong vùng; mở rộng không gian phát triển của các cơ sở giáo dục đại học nằm trong nội đô các thành phố Đà Nẵng và Huế ra các khu vực quy hoạch mới, tập trung đầu tư hoàn thành khu đại học tập trung tại thành phố Đà Nẵng.

+ Phát triển trung tâm giáo dục đại học vùng đô thị Cần Thơ với nòng cốt là Đại học Cần Thơ; mở rộng không gian phát triển và liên kết các cơ sở giáo dục đại học, khu đô thị đại học, cụm đại học tại thành phố Cần Thơ và các đô thị lân cận.

+ Phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội thành các đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài quốc gia.

đ) Mạng lưới giáo dục đại học số

- Phát triển mạng lưới giáo dục đại học số trên cơ sở: (i) chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong tổ chức và hoạt động của từng cơ sở và cả hệ thống giáo dục đại học; (ii) liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục đại học trên các nền tảng đào tạo trực tuyến nhằm chia sẻ, sử dụng hiệu quả tài nguyên và dịch vụ giáo dục đại học; (iii) chuyển đổi mô hình hoạt động của một số trường đại học hoặc đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học thành trường đại học số, trường đào tạo số; (iv) phát triển các mô hình đại học số xuyên biên giới, cung cấp các chương trình đào tạo quốc tế cấp bằng cho người nước ngoài có nhu cầu học tập.

- Phát triển hệ thống giáo dục đại học số quốc gia, tạo đột phá thực hiện mục tiêu tăng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo ngành, lĩnh vực trọng điểm trên hệ thống giáo dục đại học số quốc gia. Đến năm 2030, 100% cơ sở giáo dục đại học cung cấp chương trình đào tạo từ xa, trực tuyến; giáo dục đại học số trở thành một trụ cột quan trọng của hệ thống giáo dục đại học, chiếm tỉ trọng 30% quy mô (tính theo số tín chỉ học tập được công nhận).

2. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đến năm 2030

a) Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo trình độ đào tạo

- Đối với trường cao đẳng: Mỗi tỉnh, thành phố có tối đa không quá 03 trường có khả năng đào tạo liên thông, đào tạo thực hành để đào tạo lao động lành

ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư ở địa phương (không tính các trường tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên); các trường còn lại thực hiện sắp xếp, sáp nhập với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giáo dục đại học công lập. Đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển (tự cân đối ngân sách), số lượng cụ thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập căn cứ vào một trong các yêu cầu: quy hoạch cấp tỉnh, nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề, khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu học các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của người dân.

- Đối với trường trung cấp: Duy trì các trường tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên, các trường còn lại thực hiện sắp xếp, sáp nhập với trường cao đẳng trên cùng địa bàn và có cùng ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo.

- Hình thành trường trung học nghề trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn phường, xã hoặc liên phường, xã.

b) Mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chất lượng cao và dân tộc nội trú.

- Hình thành mạng lưới có khoảng 50 trường cao đẳng chất lượng cao, trong đó có 05 trường đạt chuẩn quốc tế; đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề thuộc công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng, ngành và địa phương, cụ thể:

- + Hình thành 06 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia và 12 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao; đồng thời là trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng số, kỹ năng xanh và đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho người lao động trong các ngành, nghề kỹ thuật, công nghệ, phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia;

- + Phát triển khoảng 30 trường cao đẳng để đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương, có năng lực cạnh tranh trong khu vực ASEAN, trong đó ưu tiên các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, tự động hóa, năng lượng mới, logistics, kinh tế xanh và các ngành nghề phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

- Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp dân tộc nội trú để đào tạo nhân lực có chuyên môn, kỹ năng cho các ngành nghề tại địa phương, đáp ứng nhu cầu lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bảo đảm các yêu cầu về điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định về chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó: Có 05 trường đạt chuẩn quốc tế; đào tạo ít nhất 20 ngành, nghề thuộc công nghệ chiến lược, các ngành kinh tế, mũi nhọn phát triển kinh tế - xã hội vùng, ngành và địa phương. Từng bước chuyển từ quản lý theo điều kiện đầu vào sang quản lý theo chất lượng và hiệu quả đầu ra.

d) Ngành, nghề đào tạo

- Ưu tiên đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, cơ điện tử, tự động hóa, sản xuất thông minh, logistics, năng lượng tái tạo, kinh tế xanh và các ngành nghề phục vụ các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia.

- Khoảng 95% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu của những ngành nghề mới, kỹ năng mới.

đ) Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp công lập số

- Phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp số trên cơ sở: Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong tổ chức và hoạt động của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và tiến tới toàn hệ thống giáo dục nghề nghiệp; liên kết mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên các nền tảng số nhằm chia sẻ, sử dụng hiệu quả học liệu, thiết bị đào tạo, dữ liệu và các dịch vụ đào tạo; phát triển các mô hình đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, đào tạo kết hợp và mô phỏng thực hành trên môi trường số; đẩy mạnh công nhận kết quả học tập, tích lũy kỹ năng và tín chỉ trên môi trường số, tạo điều kiện thuận lợi cho học tập suốt đời; xây dựng hồ sơ học tập và kỹ năng số của người học nhằm ghi nhận, tích lũy, xác thực và chia sẻ kết quả học tập, kỹ năng nghề trong môi trường số.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp số quốc gia, tạo đột phá trong mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; hình thành mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo ngành, lĩnh vực trọng điểm trên nền tảng số quốc gia.

- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập triển khai quản trị số và cung cấp các chương trình đào tạo trực tuyến hoặc đào tạo kết hợp phù hợp với đặc thù ngành, nghề; giáo dục nghề nghiệp số trở thành một mô hình đào tạo quan trọng của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

e) Theo vùng kinh tế - xã hội

Định hướng phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tại 06 vùng kinh tế - xã hội thực hiện theo các quyết định điều chỉnh quy hoạch vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo các lĩnh vực STEM

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo các lĩnh vực STEM đạt quy mô hơn 1,2 triệu người học. Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh nghiên cứu, đào tạo các ngành, lĩnh vực STEM gắn với định hướng phát triển các ngành kinh tế - xã hội trọng điểm của các vùng như sau:

+ Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về khoa học tự nhiên, khoa học sự sống tại 04 vùng động lực và Tây Nguyên, phục vụ phát triển các ngành công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, năng lượng, môi trường, kinh tế biển và các ngành kinh tế khác.

+ Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về máy tính và công nghệ thông tin, kỹ thuật điện, điện tử và truyền thông tại 04 vùng đô thị lớn và Nam Trung bộ, phục vụ phát triển các ngành công nghiệp phần mềm, công nghiệp bán dẫn, điện tử, viễn thông, năng lượng và các ngành kinh tế khác.

+ Ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về kỹ thuật cơ khí, cơ điện tử, điều khiển và tự động hóa, xây dựng và giao thông tại các vùng: Đông Bắc bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, vùng đô thị Cần Thơ phục vụ phát triển các ngành công nghiệp chế tạo, năng lượng, xây dựng và giao thông, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển và các ngành kinh tế khác.

- Tập trung đầu tư nâng cấp, phát triển 05 cơ sở giáo dục đại học công lập có năng lực, uy tín hàng đầu về đào tạo, nghiên cứu một số ngành, lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ then chốt, mũi nhọn để trở thành các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia về kỹ thuật và công nghệ, có chất lượng và uy tín ngang tầm khu vực, trong đó Đại học Bách khoa Hà Nội thành đại học tinh hoa và được xếp vào nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á. Các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm về kỹ thuật và công nghệ cùng với các đại học quốc gia và một số đại học vùng đóng vai trò hạt nhân, nòng cốt trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nhân tài, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược và chuyển đổi số quốc gia. Danh sách các cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn và các lĩnh vực, ngành trọng điểm được nêu tại Bảng 6, Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Tiếp tục phát triển 03 trường đại học xuất sắc được thành lập theo hiệp định liên chính phủ giữa Việt Nam và một số quốc gia khác (Trường Đại học Việt - Đức, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và Trường Đại học Việt - Nhật) thành các cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu với mức độ quốc tế hóa cao, trọng tâm là những ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiềm năng. Đầu tư xây dựng Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, đạt trình độ ngang bằng các nước phát triển trong khu vực về các ngành khoa học, kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Lựa chọn và phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có năng lực, uy tín về đào tạo một số ngành, lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ then chốt, mũi nhọn để trở thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm quốc gia về kỹ thuật và công nghệ, có chất lượng và uy tín trong nước và khu vực.

4. Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập trong tầm nhìn đến năm 2050

a) Phát triển mạng lưới cơ bản ổn định về số lượng và phân bố không gian các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập, sắp xếp giảm số đầu mối cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

b) Nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập theo các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng quy mô đào tạo; tỉ trọng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ đạt mức trung bình của nhóm quốc gia có thu nhập cao.

c) Tiếp tục ưu tiên đầu tư, phát triển các đại học quốc gia, đại học vùng, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập trọng điểm trở thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu đẳng cấp thế giới, nhất là trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ và y dược.

d) Tiếp tục ưu tiên đầu tư nâng cấp và mở rộng phạm vi hoạt động của hệ thống giáo dục đại học số quốc gia và chuyển đổi mô hình hoạt động của một số cơ sở giáo dục đại học lớn sang mô hình đại học số.

5. Định hướng đầu tư cơ sở vật chất và nguồn nhân lực

a) Nâng cấp, phát triển hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và công nghệ

- Rà soát, quy hoạch, xây dựng các phương án sắp xếp, mở rộng khuôn viên, phát triển hạ tầng kỹ thuật, tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với chủ trương, định hướng, quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập theo từng vùng và địa phương; đến năm 2030 có 100% cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập đáp ứng tiêu chuẩn về diện tích đất và diện tích sàn xây dựng theo chuẩn theo quy định.

- Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, công nghệ, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các đại học

quốc gia, đại học vùng, các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm và các cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu khác, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm, ưu tiên nhóm ngành sư phạm, các lĩnh vực STEM, sức khỏe và các lĩnh vực then chốt khác.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kết nối giao thông thuận lợi, gắn kết với các khu dân cư, khu công nghiệp, khu vực phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo lập môi trường sinh thái hài hòa bao quanh các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập và các khu vực quy hoạch đất cho phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Phát triển hạ tầng số, triển khai các nền tảng số cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập, bảo đảm an ninh, an toàn không gian số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

b) Phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý

- Phát triển đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ, năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, bao gồm cả năng lực ngoại ngữ, năng lực số và ứng dụng công nghệ giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng bình quân mỗi năm khoảng 05% số giảng viên toàn thời gian và 08% số giảng viên có trình độ tiến sĩ để đến năm 2030 toàn hệ thống có 110.000 giảng viên toàn thời gian trong đó ít nhất 40% có trình độ tiến sĩ.

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý tinh thông, chuyên nghiệp, chú trọng tư duy đổi mới và khả năng thích ứng nhanh với những yêu cầu thay đổi trong quá trình tự chủ đại học, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; bảo đảm tỉ lệ cán bộ quản lý, phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo và nghiên cứu trên số giảng viên cơ hữu của mỗi cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập không quá 1/3.

IV. ĐỊNH HƯỚNG BỐ TRÍ SỬ DỤNG ĐẤT

a) Bố trí bổ sung quỹ đất bảo đảm đến năm 2030 tất cả cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn đáp ứng tối thiểu tiêu chí về diện tích đất theo chuẩn cơ sở giáo dục, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia và các quy định pháp luật liên quan.

b) Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai, quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương đáp ứng yêu cầu di dời, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập căn cứ phân bổ quy mô đào tạo đến năm 2030. Các cơ sở giáo dục đại học công lập được nêu tại Bảng 1 Phụ lục kèm theo Quyết định này, có tính hệ số dự trữ từ 1,5 đến 2 lần cho phát triển trong tầm nhìn đến năm 2050. Nhu cầu bổ sung quỹ đất đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại các vùng và một số địa phương được nêu tại Bảng 7 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

c) Căn cứ Quy hoạch này, các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện bố trí quỹ đất theo quy định của Luật đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan để bảo đảm phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

V. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp về tự chủ, bảo đảm tự chủ thực chất; tạo động lực thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh bình đẳng trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

b) Rà soát, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về đất đai, ưu tiên dành quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục, trong đó ưu tiên cho cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

c) Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về thiết kế, xây dựng cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập, đô thị đại học, hạ tầng công nghệ, thư viện và cơ sở vật chất dùng chung trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập, trong đó chú trọng các tiêu chí “xanh”, chuyển đổi số và bao trùm.

d) Xây dựng, hoàn thiện chuẩn cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo các lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo; quy định, tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

đ) Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo đột phá trong thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề và cán bộ quản lý giỏi, khuyến khích dịch chuyển tài năng giữa các khu vực.

e) Rà soát, hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm và đào tạo giáo viên, giảng viên theo kết quả đầu ra.

g) Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách khuyến khích hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập với cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp; khuyến khích hợp tác công - tư, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, cung cấp chuyên gia, học bổng và các hình thức hỗ trợ hiện vật, dịch vụ phục vụ đào tạo cho phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

h) Hoàn thiện cơ chế công nhận kết quả học tập, tích lũy tín chỉ, công nhận kỹ năng nghề được hình thành từ thực tiễn làm việc; tạo điều kiện liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với giáo dục đại học và đào tạo thường xuyên; thúc đẩy học tập suốt đời.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Khai thác hiệu quả các chương trình, đề án hỗ trợ thu hút, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên đại học, nhà giáo, giảng viên, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề và cán bộ quản lý, ưu tiên cho các lĩnh vực, ngành trọng điểm; rà soát, lồng ghép nội dung thu hút, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên và cán bộ quản lý cơ sở vào nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực trong các chương trình, đề án có liên quan. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp về kỹ năng nghề, kỹ năng số, công nghệ mới; đẩy mạnh trao đổi nhà giáo giữa cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập với doanh nghiệp; thu hút chuyên gia, nghệ nhân, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tham gia giảng dạy.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước để đào tạo giảng viên nguồn.

c) Mở rộng chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên, học viên sau đại học; học viên học nghề các ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề phục vụ phát triển bền vững và các nhóm yếu thế; nâng mức vay và các ưu đãi theo nhóm đối tượng, lĩnh vực, ngành đào tạo và triển vọng nghề nghiệp.

d) 100% học sinh, học viên, sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập được tiếp cận, tham gia hiệu quả, thường xuyên các hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản văn hoá. Đổi mới giáo dục nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập, giúp học sinh phát triển năng khiếu, chuẩn bị nguồn nhân lực sớm và định hướng thị hiếu thẩm mỹ

đ) Đẩy mạnh thu hút đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

e) Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong bồi dưỡng năng lực kỹ thuật, công nghệ, năng lực quản lý sản xuất tại doanh nghiệp cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người đào tạo tại doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường

a) Xây dựng môi trường học đường Xanh - Sạch - Đẹp: Xây dựng “nhà trường xanh”, khung tiêu chí trường đại học xanh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp xanh dựa trên các mô hình cơ sở giáo dục xanh đã được công nhận quốc tế và thí điểm tại Việt Nam.

b) Lồng ghép các chủ đề về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa và yêu cầu xanh hóa và bao trùm đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và hệ thống chuẩn trường học, chuẩn chương trình và bảo đảm chất lượng.

c) Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thực hiện xanh hóa một cách toàn diện (xanh hóa khuôn viên, xanh hóa chương trình, xanh hóa phương pháp dạy - học, xanh hóa nghiên cứu, xanh hóa cộng đồng, xanh hóa văn hóa trường học, xanh hóa quản trị và vận hành trường), giảng dạy thông qua các dự án như làm sản phẩm tái chế (làm đồ chơi, thời trang từ rác thải), đo đạc chất lượng không khí, hoặc xử lý rác hữu cơ.

d) Ứng dụng phương pháp đào tạo, giáo dục môi trường hiện đại và truyền cảm hứng cho người học. Xây dựng năng lực cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp để xây dựng và thực hiện chiến lược chuyển đổi xanh phù hợp với điều kiện, đặc thù, nguồn lực của mình; đồng thời đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Nâng cấp, phát triển và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác; đổi mới căn bản phương thức quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập dựa trên công nghệ dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo.

b) Tăng cường nghiên cứu về khoa học, công nghệ và quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, dự báo, cung cấp thông tin về phát triển giáo dục đại học và xu hướng nhu cầu nhân lực nhằm điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Tăng cường gắn kết nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nhất là ở các trình độ sau đại học và ở các ngành, lĩnh vực trọng điểm, then chốt của đất nước.

d) Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ tiên tiến trong đào tạo, nghiên cứu; đẩy mạnh triển khai mô hình giáo dục đại học số với nòng cốt là các đại học quốc gia và cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong một số lĩnh vực ưu tiên, từng bước mở rộng tới các cơ sở giáo dục đại học khác và lĩnh vực đào tạo khác. Đẩy mạnh triển khai mô hình giáo dục đại học số và giáo dục nghề nghiệp số; phát triển học liệu số, nền tảng đào tạo trực tuyến, mô phỏng số, phòng thực hành ảo; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong quản trị, đào tạo, đánh giá kỹ năng nghề và công nhận kết quả học tập.

5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

a) Bố trí, sắp xếp không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập gần kề với các cơ sở nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo và các doanh nghiệp công nghệ cao nhất là tại các khu đô thị đại học, các cụm đại học, các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

b) Tăng cường liên kết trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập với mạng lưới cơ sở nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo theo ngành và lĩnh vực, nội vùng và liên vùng thông qua các hình thức hợp tác đào tạo, nghiên cứu và đầu tư, trao đổi người học, giảng viên và nhà khoa học, sử dụng chung phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và học liệu số.

c) Tăng cường liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu giữa mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập và doanh nghiệp thông qua các hình thức tài trợ, đặt hàng, đầu tư, hợp tác đào tạo và nghiên cứu, đào tạo tại doanh nghiệp, thực tập và việc làm. Đẩy mạnh mô hình đào tạo tại doanh nghiệp; hình thành mạng lưới hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp công lập với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo trong tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập, đánh giá kỹ năng nghề và tuyển dụng người học.

d) Tăng cường liên kết, hợp tác giữa mạng lưới cơ sở đào tạo giáo viên với mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tại các địa phương thông qua các hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo, hỗ trợ thực tập, đầu tư xây dựng trường mầm non, phổ thông thực hành trong trường sư phạm.

đ) Tăng cường liên kết, hợp tác giữa mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo lĩnh vực sức khỏe, văn hóa, nghệ thuật với mạng lưới cơ sở y tế, cơ sở văn hóa nghệ thuật thông qua các hình thức hợp tác đầu tư, đào tạo, nghiên cứu, thực hành, thực tập.

e) Mở rộng hợp tác, đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp để bảo đảm liên thông trong hệ thống giáo dục đào tạo, phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

g) Tăng cường kết nối giữa mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập với hệ thống thông tin thị trường lao động, trung tâm dịch vụ việc làm và các hiệp hội ngành nghề nhằm nâng cao hiệu quả dự báo nhu cầu nhân lực và khả năng có việc làm của người học sau tốt nghiệp.

6. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

a) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò then chốt của giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong việc thực hiện một trong ba đột phá chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, về bản chất của tự chủ, về huy động nguồn lực đầu tư và hiệu quả đầu tư cho phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập.

b) Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong xã hội về quan điểm, mục tiêu, nội dung, tầm quan trọng và tác động của việc quy hoạch đối với phát triển hệ thống giáo dục đào tạo.

c) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, doanh nghiệp, người dân về quy hoạch.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm thực tiễn thành công và không thành công trong thực hiện quy hoạch, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập; nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn thông dụng quốc tế trong phát triển các cơ sở đào tạo trọng điểm.

b) Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả và kết hợp các nguồn viện trợ nước ngoài hợp pháp theo quy định cho đầu tư và thực hiện quy hoạch; tăng cường xúc tiến, thu hút cơ sở giáo dục đại học nước ngoài có uy tín đầu tư xây dựng phân hiệu tại Việt Nam.

c) Tăng cường các hoạt động hợp tác song phương, đa phương về giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp giữa Việt Nam với các nước trọng khu vực và trên thế giới; từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn, mô hình trong giáo dục, đào tạo tương thích với các tiêu chuẩn, mô hình thông dụng quốc tế.

d) Tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập Việt Nam với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu nước ngoài có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ; giữa các tổ chức kiểm định giáo dục trong nước với các tổ chức kiểm định giáo dục nước ngoài có uy tín; đẩy mạnh thực hiện các Hiệp định, Thỏa thuận song phương đối với các đối tác phát triển trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp là các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm gia tăng số lượng tổ chức khoa học và công nghệ được quốc tế xếp hạng.

8. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

a) Xây dựng và thực hiện lộ trình tăng tỉ trọng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập trong tổng chi ngân sách nhà nước nói chung và tổng chi ngân sách cho giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu thực hiện quy hoạch. Phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất trong toàn ngành; ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra.

b) Huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tự có và các quỹ hợp pháp khác của cơ sở giáo dục đại học,

cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, vốn đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trong đó ngân sách nhà nước là nguồn lực chính để củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư công để gia tăng thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển.

c) Ưu tiên phân bổ đầu tư công cho: (i) mở rộng, nâng cấp và tăng cường năng lực cho các đại học quốc gia, đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm; (ii) nâng cấp, tăng cường năng lực cho một số cơ sở giáo dục đại học đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập các lĩnh vực then chốt, trọng yếu và một số cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tại các khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn; (iii) phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ mở rộng diện tích, tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở giáo dục đại học nằm trong khu vực trung tâm Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ra các khu vực quy hoạch mới của Thành phố.

d) Ưu tiên đầu tư tập trung cho các trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, trung tâm vùng đào tạo nhân lực kỹ năng nghề cao và các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo các ngành nghề thuộc lĩnh vực STEM, công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và công nghiệp bán dẫn

9. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

a) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, giảm đầu mối cơ quan quản lý; gắn trách nhiệm quản lý nhà nước theo chức năng với quản lý nhân sự và tài chính; tập trung ban hành chuẩn, kiểm định, giám sát chất lượng; giao cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập quyền tự chủ thực chất về tổ chức, nhân sự, tài chính và chuyên môn.

b) Tăng liên kết giữa đại học và giáo dục nghề nghiệp; hình thành các cụm đào tạo - nghiên cứu - doanh nghiệp; sáp nhập hoặc chuyển đổi các cơ sở nhỏ, trùng lặp, hiệu quả thấp.

c) Chuyển mô hình quản lý sang mô hình kiến tạo; tập trung thiết kế thể chế, chuẩn chất lượng, cơ chế liên thông, liên kết, dữ liệu và chính sách cạnh tranh; chuyển từ cơ chế cấp phát bình quân sang đặt hàng theo kết quả và nhu cầu phát triển; thiết lập cơ chế điều phối thống nhất nhưng vận hành phân quyền.

10. Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch

- Công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong các tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Nhân dân khi triển khai thực hiện;

- Lồng ghép các nội dung quy hoạch với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, từng năm để triển khai các nội dung quy hoạch tại các vùng và các địa phương; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả, kết hợp hài hòa với các quy hoạch khác có liên quan.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án sắp xếp, phát triển và các dự án đầu tư các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

b) Giám sát thực hiện quy hoạch

- Công bố công khai hằng năm thông tin đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở và kết quả đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu đề ra trong Quy hoạch để các cơ quan nhà nước, người dân và toàn xã hội cùng giám sát.

- Tăng cường thực hiện kiểm tra, giám sát công tác quản lý, thực hiện Quy hoạch bảo đảm đúng quy định; phát huy vai trò của người dân, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện Quy hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm nội dung Quy hoạch, những vấn đề tiêu cực trong việc thực hiện Quy hoạch.

11. Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Nguồn ngân sách nhà nước: Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó:

- Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nhà xưởng, thiết bị thực hành và hạ tầng đào tạo hiện đại, mở rộng quy mô đào tạo;

- Đối với giáo dục đại học: Đầu tư nâng cấp, mở rộng không gian phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và hạ tầng chuyên đổi số của các trường đại học trọng điểm.

b) Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế nhằm hiện đại hóa giáo trình, nâng cao năng lực quản trị, cơ sở vật chất và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

c) Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp nhằm huy động nguồn lực xã hội, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.

d) Các nguồn thu hợp pháp, đóng góp hợp pháp từ các tổ chức, chuyên gia dưới hình thức nghiên cứu, hỗ trợ kỹ thuật hoặc tài liệu (có kiểm soát chặt chẽ đối với yếu tố nước ngoài để bảo đảm bí mật quốc gia).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này.

c) Tham mưu tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển của lĩnh vực giáo dục và đào tạo, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch phát triển 05 năm và hàng năm; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch và rà soát điều chỉnh Quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu tham mưu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành giáo dục và đào tạo và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Quy hoạch, bố trí nguồn lực, đề xuất các cơ chế, chính sách, lựa chọn và đầu tư trọng điểm từ 01 đến 03 cơ sở giáo dục đại học công lập có năng lực, uy tín hàng đầu về nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để thực hiện mục tiêu, nội dung Quy hoạch bảo đảm có hiệu quả và thống nhất với chiến lược, quy hoạch khác có liên quan; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3. Các cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chủ trì xây dựng, triển khai các đề án sắp xếp, phát triển và các dự án đầu tư đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc, theo chủ trương của Đảng và Chính phủ về sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch khác có liên quan. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, yêu cầu thực tiễn và theo đúng các quy định pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các nội dung Quy hoạch; ưu tiên bố trí quỹ đất sạch, ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập tại địa phương phù hợp với định hướng phát triển theo Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

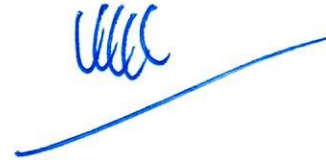
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, GDNNGDTX, GDDH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quân

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ KHÔNG GIAN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP
ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 249/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bảng 1. Định hướng phân bố quy mô đào tạo tại các vùng, địa phương

Vùng, địa phương	Quy mô đào tạo (nghìn người học)
Trung du và miền núi phía Bắc	120 - 130
Đồng bằng sông Hồng	1.200 - 1.300
trong đó:	
- Hà Nội	1.000 - 1.100
- Hưng Yên	50 - 80
- Bắc Ninh	50 - 80
- Ninh Bình	40 - 60
- Hải Phòng	50 - 80
Bắc Trung Bộ	360 - 420
Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	60 - 65
Đông Nam Bộ	1.000 - 1.100
trong đó:	
- Thành phố Hồ Chí Minh	960 - 1.090
- Đồng Nai	40 - 60
Đồng bằng sông Cửu Long	270 - 300
Toàn quốc	3.000 - 3.200

Bảng 2. Định hướng phân bố số lượng cơ sở giáo dục đại học công lập (theo trụ sở chính) tại các vùng¹

Vùng	Số cơ sở giáo dục đại học công lập
Trung du và miền núi phía Bắc	05 - 06
Đồng bằng sông Hồng	54 - 58
Bắc Trung Bộ	07 - 09
Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên	08 - 11
Đông Nam Bộ	24 - 27
Đồng bằng sông Cửu Long	07 - 09
Toàn quốc	105 - 120

¹ Các Đại học quốc gia, Đại học vùng tính là 01 (một) đầu mối cơ sở giáo dục đại học.

Bảng 3. Định hướng quy mô đào tạo và lĩnh vực trọng điểm của các đại học quốc gia, đại học vùng

Cơ sở giáo dục đại học	Quy mô đào tạo dự kiến	Lĩnh vực trọng điểm
Các đại học quốc gia		
		- Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi - Khoa học tự nhiên, khoa học sự sống - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	120.000 - 130.000	- Kiến trúc và xây dựng
Đại học Quốc gia Hà Nội	70.000 - 80.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
Đại học Quốc gia tại Huế, Đà Nẵng	140.000 - 150.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nghệ thuật - Nông lâm nghiệp và thủy sản - Sức khỏe - Du lịch
Các đại học vùng		
		- Khoa học tự nhiên, khoa học sự sống - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật - Nông lâm nghiệp và thủy sản
Đại học Thái Nguyên	70.000 - 80.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Sức khỏe
Đại học Vinh	35.000 - 40.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
Đại học Nha Trang	25.000 - 30.000	- Du lịch
Đại học Tây Nguyên	15.000 - 20.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Du lịch
Đại học Cần Thơ	60.000 - 70.000	- Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Du lịch

Bảng 4. Định hướng phân bổ quy mô đào tạo giáo viên tại các vùng

Vùng	Quy mô đào tạo giáo viên dự kiến	Tỉ trọng
Trung du và miền núi phía Bắc	20.000 - 22.000	11% - 12%
Đồng bằng sông Hồng	50.000 - 55.000	26% - 27%
Bắc Trung Bộ	40.000 - 45.000	23% - 23%
Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên	10.000 - 12.000	05% - 06%
Đông Nam Bộ	35.000 - 40.000	19% - 20%
Đồng bằng sông Cửu Long	25.000 - 30.000	14% - 15%
Toàn quốc	180.000 - 200.000	100%

Bảng 5. Định hướng quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học chủ chốt đào tạo giáo viên

Cơ sở giáo dục đại học	Quy mô đào tạo giáo viên dự kiến	Tỉ trọng (xấp xỉ)
1. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	18.000 - 20.000	10,0%
2. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	22.000 - 24.000	12,0%
3. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	9.000 - 10.000	5,0%
4. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội	5.400 - 6.000	3,0%
5. Trường Đại học Tây Bắc	4.500 - 5.000	2,5%
6. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	9.000 - 10.000	5,0%
7. Trường Đại học Vinh	7.200 - 8.000	4,0%
8. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	7.200 - 8.000	4,0%
9. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	5.400 - 6.000	3,0%
10. Trường Đại học Quy Nhơn	4.500 - 5.000	2,5%
11. Trường Đại học Tây Nguyên	4.500 - 5.000	2,5%
12. Trường Đại học Đà Lạt	4.500 - 5.000	2,5%
13. Trường Đại học Cần Thơ	7.200 - 8.000	4,0%
14. Trường Đại học Đồng Tháp	7.200 - 8.000	4,0%
Toàn quốc	180.000 - 200.000	64%

Bảng 6. Định hướng phát triển các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm về kỹ thuật và công nghệ (ngoài các đại học quốc gia, đại học vùng)

Cơ sở giáo dục đại học	Lĩnh vực, ngành trọng điểm
1. Đại học Bách khoa Hà Nội	- Khoa học tự nhiên, khoa học sự sống - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Kỹ thuật
2. Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Kiến trúc và xây dựng
3. Trường Đại học Giao thông vận tải	Giao thông và vận tải
4. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Máy tính và công nghệ thông tin
5. Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật

Bảng 7. Nhu cầu bổ sung diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu cho phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học

Vùng, địa phương	Diện tích đất (héc-ta)		Diện tích sàn (1.000m²)
	<i>Tới năm 2030</i>	<i>Tới năm 2050</i>	<i>Tới năm 2030</i>
Trung du và miền núi phía Bắc	138	276	248
Đồng bằng sông Hồng	1.378	2.757	1.082
- <i>Thành phố Hà Nội</i>	<i>1.161</i>	<i>2.321</i>	<i>813</i>
Bắc Trung Bộ	303	605	473
Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên	100	200	142
Đông Nam Bộ	1.427	2.853	1.177
- <i>Thành phố Hồ Chí Minh</i>	<i>1.083</i>	<i>2.166</i>	<i>679</i>
Đồng bằng sông Cửu Long	254	509	348
Toàn quốc	3.600	7.199	3.470